

Giu-se Lê Minh Thông, O.P.

**Phân tích thuật chuyện
và phân tích cấu trúc
áp dụng vào
Tin Mừng thứ tư**

Trung Tâm Học Vấn Đa-Minh

2008

Cha Giám Tỉnh Dòng Đa-Minh:
Giu-se Ngô Sĩ Đình
đã xét duyệt và chấp thuận
ngày 30 tháng 07 năm 2008.

Cùng tác giả:

- [2008] *Tin Mừng thứ tư song ngữ Hy-lạp – Việt*
281 tr.
- [2008] *Tin Mừng Mác-cô song ngữ Hy-lạp – Việt*
265 tr.

B. ÁP DỤNG VÀO MỘT SỐ ĐOẠN VĂN

Sau đây là áp dụng cụ thể vào phân tích một vài đoạn văn trong Tin Mừng thứ tư. Kinh nghiệm cho thấy, áp dụng phương pháp vào việc đọc bản văn giúp hiểu phương pháp hơn, đồng thời tìm hiểu phương pháp lại giúp đọc bản văn có hiệu quả hơn. “Phương pháp” (cách đọc) và “áp dụng” (đọc) không thể tách rời nhau. Ba đoạn văn trong Tin Mừng thứ tư được áp dụng phương pháp phân tích thuật chuyên và cấu trúc để phân tích:

- 6,22-71: *“Thánh thể”, lý trí và đức tin*
- 11,1-54: *“Chết” và “sống” của La-da-rô, của Đức Giê-su và của người tin*
- 18,28–19,16a: *Đức Giê-su và Phi-la-tô*

Các đoạn văn này sẽ được phân tích theo các bước như đã trình bày ở trên: Giới hạn đoạn văn - Bối cảnh văn chương - Cấu trúc - Phân tích. Trên thực tế, mỗi đoạn văn có những đặc tính riêng, nên các quan sát về từ ngữ, đề tài, thời gian, không gian, nhân vật có thể được đưa vào khi chúng phục vụ cho việc tìm ý nghĩa của bản văn.

I. Ga 6,22-71: “Thánh thể”, lý trí và đức tin

1. Dẫn nhập

Ch. 6 của Tin Mừng thứ tư có những ám chỉ rõ ràng về Thánh thể qua đề tài bánh sự sống (6,25-40) và kiểu nói “ăn thịt và uống máu” (6,51-56), nhưng làm sao Đức Giê-su có thể nói về Thánh thể trong sứ vụ công khai của Người? Theo Truyền thống, Thánh thể được thiết lập trong bữa tiệc ly và được cử hành trong đời sống Giáo Hội sau khi Đức Giê-su Phục Sinh. Như thế, theo trình tự của Tin Mừng thứ tư, ở ch. 6 bí tích Thánh thể chưa được thiết lập. Có thể ch. 6 nhấn mạnh đề tài “tin” hay “không tin” kèm theo những thắc mắc, tranh luận qua việc Đức Giê-su báo trước cái chết của Người. Cần quan sát bản văn để hiểu đoạn văn 6,22-71 muốn nói gì.

Để tìm hiểu về đề tài “*Thánh thể*”, *lý trí và đức tin* trong Ga 6, các bước giới hạn đoạn văn, từ ngữ, bối cảnh và cấu trúc của ch. 6 sẽ được đề cập tới. Các đề tài trong ch. 6 sẽ được nối kết với nhau để tìm ra ý nghĩa của các dấu lạ (6,1-21), diễn từ về bánh (6,25-59) và những trao đổi với các môn đệ sau diễn từ (6,60-71). Lối tiếp cận đồng đại được sử dụng để quan sát những chi tiết trong bản văn và xem bản văn như là một tổng thể có ý nghĩa. Dựa vào các bước trên, phần phân tích sẽ trình bày bốn đề tài trong bốn tiểu đoạn:

1. Tranh luận về Bánh sự sống (6,25-40)
2. Xâm xì về nguồn gốc Đức Giê-su (6,41-51)
3. Tranh luận về ăn thịt Đức Giê-su (6,52-59)
4. “Hậu quả” và “kết quả” sau diễn từ (6,60-71)

2. Giới hạn, từ ngữ, bối cảnh, cấu trúc

a. Giới hạn đoạn văn 6,22-71

Toàn bộ ch. 6 làm thành một khối và được chia làm hai phần lớn: *dấu lạ* và *diễn từ*. Trong ch. 5 Đức Giê-su ở Giê-ru-sa-lem, người chữa lành một người bị bệnh ở hồ Bết-da-tha (5,1-15) và theo sau là diễn từ của Đức Giê-su với những người Do-thái (5,16-47). Ch. 6 cũng có “dấu lạ - diễn từ” nhưng ở bên kia biển hồ Ga-li-lê. Ch. 7 khởi đầu một giai đoạn mới: Đức Giê-su lên Giê-ru-sa-lem dịp lễ Lễ (7,1-2).

Ch. 6 làm thành một đoạn văn, trong đó phần trình thuật gồm hai dấu lạ: Dấu lạ bánh hoá nhiều (6,1-15) và dấu lạ Đức Giê-su đi trên Biển Hồ (6,16-21). Phần diễn từ bắt đầu từ 6,22, kể lại việc đám đông xuống thuyền đi tìm Đức Giê-su: “Hôm sau, đám đông ở bờ bên kia Biển Hồ, thấy rằng ở đó không có thuyền nào khác, ngoại trừ một chiếc và rằng Đức Giê-su lại không cùng với các môn đệ xuống thuyền, nhưng chỉ các môn đệ đi” (6,22). Diễn từ về bánh sự sống diễn ra ở trong hội đường Ca-phác-na-um (6,59). Phần sau diễn từ trình bày phản ứng của các môn đệ: Kẻ thì bỏ đi (6,66), người khác lại tuyên xưng đức tin (6,68-69). Vì ch. 6 là một chương dài, nên có thể chọn phân tích phần diễn

từ và những gì xảy ra sau diễn từ (6,22-71). Đoạn văn này cần được đặt trong bối cảnh chung của ch. 6, cũng như cần trình bày chi tiết cấu trúc của ch. 6 để thấy *diễn từ* về bánh sự sống và các *dấu lạ* đi trước có tương quan với nhau và soi sáng cho nhau như thế nào.

b. Bối cảnh văn chương

Về hình thức, ch. 6 là tập hợp những bản văn và những đề tài khác nhau. Chẳng hạn trình thuật Đức Giê-su đi trên Biển Hồ (6,16-21) dường như chẳng liên quan gì đến dấu lạ bánh hoá nhiều (6,1-15). Diễn từ về bánh (6,25-59) không nói gì đến việc Đức Giê-su đi trên Biển Hồ. Đức Giê-su đang trao đổi với đám đông trong diễn từ thì những người Do-thái xuất hiện, họ xâm xì (6,41), thắc mắc (6,52), trong khi nhóm này không được nhắc tới trước đó. Từ đề tài “bánh sự sống” chuyển sang đề tài “ăn thịt và uống máu” ở 6,51-53 như thể là ghép nối các đề tài lại với nhau. Những điều xem ra không có nối kết trên có thể là kết quả của quá trình “đọc lại” bản văn (relecture) qua nhiều giai đoạn khác nhau. Dầu vậy, vẫn có thể có sự nối kết, và thống nhất trong ch. 6 qua những cuộc *gặp gỡ* và *chia tay*.

Ga 6 tập hợp của nhiều cuộc gặp gỡ và chia tay. Gặp gỡ và chia tay giữa Đức Giê-su và đám đông, giữa Đức Giê-su và các môn đệ. Thật vậy, ch. 6 bắt đầu với đám đông dân chúng hiện diện quanh Đức Giê-su, Người làm dấu lạ bánh hoá nhiều và cho họ ăn no nê. Cuối trình thuật, Đức Giê-su chia tay họ, Người đi lên núi một mình vì họ định bắt Người để tôn làm vua

(6,15). Ngày hôm sau, đám đông gặp lại Đức Giê-su và tranh luận về đề tài bánh từ trời xuống (6,25-40), sau đó lại chia tay (đám đông biến khỏi trình thuật, từ c. 41), nhường chỗ cho những người Do-thái xâm xì về nguồn gốc Đức Giê-su (6,41-42) và về việc “ăn thịt Đức Giê-su” (6,52). Sau khi kết thúc diễn từ ở c. 59, những người Do-thái cũng đi vào im lặng. Từ c. 60 đến hết ch. 6 là đối thoại giữa Đức Giê-su các môn đệ xoay quanh chủ đề “chia tay”, “bỏ đi” hay “ở lại”.

Trong Ga 6, các môn đệ cũng được trình bày qua những gặp gỡ và chia tay. Đầu ch. 6, các môn đệ ở với Đức Giê-su.⁶¹ Người chia tay các ông để lánh lên núi một mình. Người lại đến với các môn đệ khi các ông đang chèo thuyền giữa sóng gió. Các môn đệ đã chứng kiến những trao đổi, thắc mắc trong diễn từ và đã thốt lên: “Lời này chương tai quá! Ai có thể nghe nổi?” (6,60) Sau đó, nhiều môn đệ đã chia tay Đức Giê-su (6,66). Chia tay lần này theo nghĩa mạnh, nghĩa là bỏ đi, không còn làm môn đệ Đức Giê-su nữa. Trước sự chia tay, bỏ đi của nhiều môn đệ, Phê-rô thay mặt Nhóm Mười Hai tuyên xưng niềm tin: “Phần chúng con, chúng con đã tin và đã nhận biết rằng: Chính

⁶¹ Trong Tin Mừng thứ tư, không phải các môn đệ mà chính Đức Giê-su phân phát bánh (6,11). Điều này nhằm chuẩn bị cho tranh luận trong diễn từ. Đức Giê-su được so sánh với Mô-sê trong việc ban bánh cho dân (6,31-35). Đồng thời khác với Mô-sê, Đức Giê-su vừa là Đấng ban bánh (6,27) vừa là Bánh (6,35).

Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa” (6,69). Nhóm Mười Hai quyết định ở lại, nhưng lời tuyên xưng này lại kèm theo lời loan báo về sự chia tay khác, chia tay của một người trong Nhóm Mười Hai là Giu-đa (6,70-71). Quả thế, ở 13,30, Giu-đa chia tay nhóm, ông ra đi để làm công việc của quỷ (13,2), của Xa-tan (13,27): “Sau khi nhận lấy miếng bánh, Giu-đa đi ra ngay lập tức. Lúc đó, trời đã tối” (13,30). Giu-đa chia tay Đức Giê-su và sẽ gặp lại Người nhưng không còn là môn đệ nữa mà là người dẫn đầu những kẻ đi bắt Người (18,2-5). Nhìn từ góc độ kỹ thuật hành văn, những thắc mắc, tranh luận và đối thoại của các nhân vật là dịp để Đức Giê-su mặc khải về nguồn gốc và sứ vụ của Người.

c. Từ ngữ trong Ga 6

Quan sát một số từ ngữ trong ch. 6 có thể giúp tiếp cận các đề tài.

Từ ngữ chỉ các nhân vật và danh xưng

θεός	Thiên Chúa	7	6,27.26.29.33.45.46.69
πατήρ	Cha	11	6,27.32.37.40.42.44. 45.46a.46b.57.65
πατέρες	cha ông	3	6,31.49.58
ὄχλος	đám đông	4	6,2.5.22.24
οἱ Ἰουδαῖοι	những người Do-thái	2	6,4.41.52
οἱ μαθηταί	các môn đệ	10	6,3.8.12.16.22a.22b. 24.60.61.66

Từ ngữ liên quan đến của ăn

εὐχαριστέω	tạ ơn	2 lần	6,11.23
ἐσθίω	ăn	6	6,5.31.50.51.52.53
τρῶγω	ăn	4	6,54.56.57.58
βρῶσις	ăn, của ăn	3	6,27a.27b.55
ἄρτος	bánh	19	6,5.7.9.11.23.26.31. 32a.32b.33.34.35.41. 48.50.51a.51b.51c.58
μάννα	man-na	2	6,31.49
σάρξ	thịt ⁶²	7	6,51.52.53.54.55.56.63
πίνω	uống	3	6,53.54.56
πόσις	của uống	1	6,55
αἷμα	máu	4	6,53.54.55.56
δίδωμι	cho, ban	11	6,27.31.32a.32b.33. 34.37.39.51.52.65
διαδίδωμι	cho, phân phát	1	6,11

⁶² Kiểu nói “ăn thịt uống máu” gọi ý đến công thức Thánh thể trong Tin Mừng Nhất lãm: “Anh em cầm lấy mà ăn, này là Mình Thầy sẽ bị nộp vì anh em. Anh em cầm lấy mà uống, này là chén Máu Thầy” (cf. Mt 26,26-27; Mc 14,22-24; Lc 22,19-20).

Từ ngữ liên quan đến tin, sống và chết

πιστεύω	tin	8	6,29.30.35.36.40.47. 64.69
ζωή	sự sống	11	6,27.33.35.40.47.48. 51.53.54.63.68
ζάω	sống	7	6,51a.51b.57a.57b.57c. 58.63
ἀποθνήσκω	chết	3	6,49.50.58
ἀπόλλυμι	hư mất, chết	3	6,12.27.39

Từ ngữ đáng chú ý khác

οὐρανός	trời	10	6,31.32a.32b.33.38. 41.42.50.51.58
καταβαίνω	xuống	7	6,33.38.41.42.50.51.58
γογγύζω	xì xầm	3	6,41.43.61
ἀληθής	thật	2	6,55a.55b
ἀληθινός	thật	1	6,32
ἀληθῶς	thật sự	1	6,14
κόσμος	thế gian	3	6,14.33.51
σημεῖον	dấu lạ	4	6,2.14.26.30
ἀμήν ἀμήν	amen, amen	4	6,26.32.47.53

Các cụm từ

ζωὴν αἰώνιον (sự sống đời đời): 6,27.40.47.53.54.68 (6 lần)
υἱὸς τοῦ ἀνθρώπου (Con Người): 6,27.53.62 (3 lần)
ἀνίστημι ἐν τῇ ἐσχάτῃ ἡμέρᾳ (sống lại trong ngày sau hết):
6,39.40.44.54 (4 lần)

Ch. 6 được đặt trong bối cảnh Đức Giê-su làm các dấu lạ và giảng dạy đám đông và các môn đệ. Vấn đề là “đến với” và “tin” vào Đức Giê-su để có sự sống. Người nói: “Chính Tôi là bánh sự sống, người đến với Tôi, không hề đói, và người tin vào Tôi, sẽ chẳng khát bao giờ” (6,35). Chủ đề “tin” được lập đi lập lại trong ch. 6. Phần đầu diễn từ Đức Giê-su cho biết đám đông không tin: “Nhưng Tôi đã nói với các ông: ‘Các ông đã thấy Tôi mà các ông không tin’” (6,36). Người nói về ý muốn của Cha: “Tất cả những ai thấy Con và tin vào Người thì có sự sống đời đời, và chính Tôi sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết” (6,40). Đến cuối diễn từ Đức Giê-su khẳng định lại cách long trọng bằng kiểu nói: “Amen, amen”: “A-men, a-men, Tôi bảo các ông: Ai tin thì có sự sống đời đời” (6,47).

Sau diễn từ về bánh, khi nhiều môn đệ bỏ đi, không theo Đức Giê-su nữa, người thuật chuyện kể: “Ngay từ đầu, Đức Giê-su đã biết ai là những người không tin và ai là kẻ sẽ nộp Người” (6,64). Nội dung lời tuyên xưng của Phê-rô, kết quả của toàn bộ mặc khải trong ch. 6, cũng liên quan đến lòng tin: “Thưa Thầy, chúng con sẽ bỏ đi với ai? Thầy có những lời đem lại sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con đã tin và đã nhận biết

rằng: Chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa” (6,68-69). Có thể nói, mục đích của dấu lạ bánh hoá nhiều và diễn từ theo sau là những lời mạc khải về Đức Giê-su, Người cho biết Người là ai, Người từ đâu đến và để làm gì. Về phía con người, họ phải làm gì để có sự sống đời đời. Cốt lõi của ch. 6 là “tin” hay “không tin” vào Đức Giê-su và vào lời của Người.

Dấu thế, không thể phủ nhận những gợi ý về Thánh thể trong ch. 6. Tin Mừng thứ tư kể về cuộc đời Đức Giê-su nhưng được viết vào cuối thế kỷ I, lúc mà cộng đoàn đã sống bí tích Thánh thể hơn nửa thế kỷ. Có nhiều từ ngữ trong ch. 6 gợi về Thánh thể. Trước hết là từ “tạ ơn” (eucharistie). Người thuật chuyện kể: “Đức Giê-su cầm lấy bánh, tạ ơn, trao cho những người ngồi đó” (6,11a). Hành động tạ ơn này được lập lại ở 6,23: “Có những thuyền khác từ Ti-bê-ri-a đến gần nơi họ đã ăn bánh tạ ơn của Chúa.” Gợi ý thứ hai về Thánh thể là từ “bánh” (ἄρτος), được dùng nhiều nhất trong ch. 6 (19 lần, cf. bảng từ ngữ ở trên), nên chủ đề chính của ch. 6 là “bánh sự sống”. Các từ “ăn”, “sống”, “sự sống”, “tin” được dùng khoảng 10 lần, trong đó từ “ăn” ám chỉ đến Thánh thể, nhất là hai kiểu nói “ăn bánh” và “ăn thịt” (6,51).

Đức Giê-su nói về “ăn thịt và uống máu”: “Ai ăn thịt Tôi và uống máu Tôi, thì có sự sống đời đời” (6,54a), diễn từ bánh sự sống kết thúc như sau: “Thịt Tôi là của ăn đích thực, và máu Tôi là của uống đích thực. Ai ăn thịt Tôi và uống máu Tôi, thì ở lại trong

Tôi, và Tôi ở trong người ấy” (6,55-56). Nội dung ch. 6 ám chỉ về Thánh thể và cho thấy sự khó khăn để tin và đón nhận mầu nhiệm này.

Những ám chỉ về Thánh thể trong ch. 6, dù là hiển nhiên vẫn là những ám chỉ, nên từ “Thánh thể” cần được để trong ngoặc kép. Điều khác biệt giữa bí tích Thánh thể với Ga 6 là trong bí tích Thánh thể, bánh và rượu trở thành thịt và máu Đức Ki-tô, trong khi ở ch. 6, chính Đức Giê-su là bánh chứ không phải bánh biến thành Đức Giê-su. Người nói đến “ăn thịt và uống máu của Người” chứ không không phải “ăn bánh và uống rượu” như trong tiệc ly.

Dầu vậy Ga 6 có thể giúp chúng ta hiểu thế nào là Thánh thể. Thánh thể được thiết lập từ sự chết và Phục Sinh của Đức Giê-su thì diễn từ về bánh sự sống cũng ám chỉ cái chết và nguồn gốc từ trời của Người. Đặc biệt là những gợi ý về Thánh thể trong ch. 6 không phải là nơi diễn tả tình cảm hay sự tôn kính, nhưng là đề tài gây tranh luận, thắc mắc, thậm chí vấp ngã đến mất đức tin. Quả thật, diễn từ về “bánh sự sống” đã làm cho đám đông hiểu lầm (6,34), làm cho những người Do-thái xâm xì (6,41), tranh luận (6,52) và mặc khải của Đức Giê-su là nguyên nhân làm cho nhiều môn đệ bỏ Đức Giê-su, không đi theo Người nữa (6,66). Bước tiếp theo là tìm cấu trúc bản văn để biết nội dung mặc khải trong ch. 6.

d. Cấu trúc Ga 6

Ch. 6 làm thành một khối trong Tin Mừng thứ tư với chủ đề bánh sự sống, ch. 5 và ch. 7 không nói đến đề tài này. Ga 6 là chương dài nhất trong Tin Mừng thứ tư (71 câu) và có thể được cấu trúc như sau:

Cấu trúc Ga 6

I. Trình thuật: 6,1-21 (ngày hôm trước)

6,1-15: Dấu lạ bánh hoá nhiều (ban ngày)

6,16-21: Dấu lạ Đức Giê-su đi trên Biển Hồ (chiều đến)

II. Diễn từ: 6,22-59 (ngày hôm sau)

6,22-24: Đám đông tìm ĐGS tại Ca-phác-na-um (6,24)

6,25-40: *Tranh luận 1* về Bánh từ trời xuống

6,25-29: Dẫn vào diễn từ. “Amen, amen...”

6,30-33: Mô-sê và ĐGS. “Amen, amen...”

6,34-40: Đức Giê-su từ trời xuống

6,41-51: *Tranh luận 2* về nguồn gốc của ĐGS

6,41-42: Người Do-thái xì xầm về nguồn gốc ĐGS

6,43-47: Trả lời và định nghĩa về tin

6,48-51: Trả lời về bánh từ trời xuống

6,52-59: *Tranh luận 3* về “ăn thịt và uống máu”

6,52-57: Thắc mắc, trả lời về “ăn thịt và uống máu”

6,58-59: Kết về bánh từ trời xuống và kết diễn từ

III. Phản ứng của các môn đệ: 6,60-71

6,60-66: Nhiều môn đệ cảm thấy chướng tai và bỏ đi

6,67-71: Phê-rô tuyên xưng, Giu-đa là quỷ vì sẽ nộp Thầy

Các nhân vật được giới thiệu trong 4 câu đầu: Đức Giê-su (6,1), đám đông dân chúng (6,2), các môn đệ (6,3) và gián tiếp nhắc đến nhân vật *những người Do-thái* qua kiểu nói: “Lễ Vuốt Qua, lễ của những người Do-thái đã gần đến” (6,4). Ch. 6 kéo dài trong hai ngày: *Ngày hôm trước* dân chúng được ăn bánh no nê ở bên kia biển hồ Ga-li-lê (6,1-2). *Ngày hôm sau* họ đi tìm gặp Đức Giê-su ở bên này biển hồ Ga-li-lê (6,25). Ch. 6 có thể chia thành 3 phần lớn: Trình thuật (6,1-21); Diễn từ (6,22-59); Phản ứng của các môn đệ (6,60-71).

d.1. Phần I. Hai trình thuật (6,1-21)

Đoạn văn 6,1-21 gồm hai trình thuật, diễn ra ngày hôm trước. Trình thuật thứ nhất vào ban ngày (6,1-15): Dấu lạ bánh hoá nhiều; trình thuật thứ hai vào chiều tối (6,16-21): Dấu lạ Đức Giê-su đi trên Biển Hồ. Hai điểm đáng chú ý: Từ “dấu lạ” và ý nghĩa việc Đức Giê-su đi trên Biển Hồ.

Để nói về những “sự lạ”, “phép lạ”, Tin Mừng thứ tư dùng từ “dấu lạ” (σημείον), 4 lần trong ch. 6, chứ không dùng từ “phép lạ” (δύναμις) như trong Nhất Lãm. “Dấu lạ” bánh hoá nhiều là dấu chỉ để nói về một điều gì khác, cần được giải thích. Vì thế trong Tin Mừng thứ tư các dấu lạ thường đi trước diễn từ, Đức Giê-su giải thích ý nghĩa của dấu lạ qua diễn từ. Trong ch. 6, Đức Giê-su làm dấu lạ bánh hoá nhiều không phải vì động lòng thương xót đám đông như trong Mt 14,14. Ý nghĩa của dấu lạ bánh hoá nhiều được tìm thấy trong diễn từ

về bánh: Đức Giê-su chính là bánh từ trời xuống để ai ăn bánh này thì có sự sống đời đời.

Trình thuật Đức Giê-su đi trên Biển Hồ để đến với các môn đệ (6,16-21) xem ra chẳng liên quan gì đến dấu lạ bánh hoá ra nhiều và diễn từ về bánh sự sống, nhưng xét như “sự lạ”, trình thuật Đức Giê-su đi trên Biển Hồ được kể là dấu lạ thứ hai trong ch. 6. Dấu lạ này có vai trò của nó, vì diễn từ theo sau có gợi ý đến việc Mô-sê dẫn dân qua Biển Đỏ và nuôi dân bằng man-na trong sa mạc. Quả thế, đám đông so sánh Mô-sê với Đức Giê-su khi họ nhắc đến man-na trong sa mạc, họ nói: “Vậy chính Ông, Ông làm dấu lạ nào để chúng tôi thấy và chúng tôi tin Ông? Ông sẽ làm việc gì? Tổ tiên chúng tôi đã ăn man-na trong sa mạc, như có lời chép: ‘Người đã cho họ ăn bánh từ trời’” (6,30-31). Đối với đám đông, Mô-sê đã là vị ngôn sứ, là người lãnh đạo vĩ đại của dân, nên khi Đức Giê-su khẳng định Người là Đấng Thiên Chúa sai đến và việc Thiên Chúa muốn là tin vào Người (6,29) thì đám đông thắc mắc. Theo sách Xuất hành, Mô-sê đã dẫn dân qua Biển Đỏ, đã cho dân ăn man-na suốt 40 năm, còn Đức Giê-su, Người đã làm được gì để có thể tự xưng là Đấng Thiên Chúa sai đến. Như thế, dấu lạ Đức Giê-su đi trên Biển Hồ ám chỉ đến biến cố vượt qua Biển Đỏ. Đó là biến cố biểu lộ quyền năng của Thiên Chúa và tư cách lãnh đạo của ông Mô-sê. Cũng vậy, Đức Giê-su đi trên Biển Hồ đến với các môn đệ, Người biểu lộ quyền năng của Đấng đến từ Thiên Chúa. Độc giả có thể nhận ra rằng: Dấu lạ bánh hoá nhiều và dấu lạ đi trên

Biển Hồ nhằm chuẩn bị cho mặc khải về nguồn gốc từ nơi Thiên Chúa của Đức Giê-su. Chỉ có người từ trời xuống mới có thể làm được những dấu lạ như thế.

Tuy nhiên, hai dấu lạ trên chỉ là minh họa, gợi ý chứ không phải là bằng chứng hiển nhiên về thiên tính của Đức Giê-su. Vì thế phần diễn từ về bánh trình bày ba cuộc tranh luận xoay quanh những khẳng định của Đức Giê-su về nguồn gốc và sứ vụ của Người.

d.2. Phần II. Diễn từ (6,22-59)

Diễn từ về bánh sự sống (6,22-59) làm thành một khối. Sau khi đám đông đi tìm Đức Giê-su (6,22-24), họ gặp lại Người ở Ca-phác-na-um và diễn từ bắt đầu ở 6,25. Diễn từ kết thúc cũng tại Ca-phác-na-um (6,59). Nội dung diễn từ bánh sự sống (6,25-59) gồm ba đề tài tranh luận. Tranh luận thứ nhất với đám đông (6,25-40) về bánh không hư nát. Đức Giê-su cho biết bánh từ trời xuống là gì, là ai, ai ban, và phải làm gì để có bánh đó. Tranh luận thứ hai với những người Do-thái (6,41-51) về nguồn gốc của Đức Giê-su, họ nói: “Ông ta chẳng phải là Giê-su, con ông Giu-se, mà chúng ta biết cha và mẹ Ông ấy sao? Sao bây giờ Ông ta lại nói: ‘Tôi từ trời xuống?’” (6,42) Tranh luận thứ ba cũng với những người Do-thái về “ăn thịt Đức Giê-su”, họ nói: “Làm sao Ông này có thể cho chúng ta ăn thịt Ông ta được?” (6,52) Tiếp đến là phần trình thuật về phản ứng các môn đệ sau khi nghe diễn từ.

d.3. Phần III: Phản ứng sau diễn từ (6,60-71)

Phần này không phải là diễn từ, nhưng là trình thuật về “hậu quả” và “kết quả” của diễn từ. Trong đoạn văn 6,60-71, không thấy xuất hiện những người Do-thái hay đám đông mà chỉ có các môn đệ và Đức Giê-su. Những mặc khải về nguồn gốc, sứ vụ của Đức Giê-su (6,38) và về việc “ăn thịt và uống máu” (6,53-56) không phải là những lời động viên, mà là có vấp phạm, đó là những lời chướng tai, khó nghe và không thể chấp nhận được (6,60). Diễn từ về bánh sự sống đã gây ra khủng hoảng lớn trong nhóm môn đệ, vì nhiều môn đệ đã bỏ đi không còn làm môn đệ Đức Giê-su nữa. Kế đến là khủng hoảng trong Nhóm Mười Hai khi Đức Giê-su báo trước một môn đệ trong nhóm này sẽ nộp Người: “Chẳng phải Thầy đã chọn anh em là Nhóm Mười Hai sao? Thế mà một người trong anh em là quỷ” (6,70). Người thuật chuyện giải thích thêm cho độc giả ở câu tiếp theo: “Người nói về Giu-đa, con ông Si-môn Ít-ca-ri-ốt; vì ông ấy, một người trong Nhóm Mười Hai, sẽ nộp Người” (6,71). Diễn từ của Đức Giê-su dẫn tới “hậu quả” trầm trọng và kết thúc trong đen tối như thế, nhưng lại làm nổi bật lên chủ đề “tin” với lời tuyên xưng của Phê-rô. Ông đại diện Nhóm Mười Hai tuyên xưng lòng tin vào Đức Giê-su, vượt trên mọi điều nghịch lý và chướng tai: “Phần chúng con, chúng con đã tin và đã nhận biết rằng: Chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa” (6,69). Lời tuyên xưng này là “kết quả” của toàn bộ mặc khải trong ch. 6, đó là lời định nghĩa sống động về thế nào là “tin” vào Đức Giê-

su, và là lời mời gọi người đọc cũng hãy tin để có thể hiểu được lời của Người.

Tóm lại, ch. 6 được cấu trúc chặt chẽ, bắt đầu bằng hai dấu lạ chuẩn bị cho diễn từ bánh sự sống, trong đó Đức Giê-su mạc khải nguồn gốc (đến từ trời) và sứ vụ của Người (ban sự sống đời đời cho người tin). Các đề tài trong diễn từ tiến triển cách tiệm tiến, từ thấp lên cao: Từ có thể chấp nhận đến khó chấp nhận, rồi đến không thể chấp nhận, theo lập luận của lý trí. Những ám chỉ về Thánh thể được lồng vào những mạc khải về nguồn gốc và sứ vụ của Đức Giê-su. Đó là những mạc khải có tính quyết định cho đức tin, đồng thời là đề tài tranh luận, gây khủng hoảng, thậm chí làm mất đức tin. Phân tích những thắc mắc trong diễn từ, “hậu quả” và “kết quả” sau diễn từ có thể giúp người đọc nhận ra tầm quan trọng của mầu nhiệm Thánh thể trong tương quan giữa lý trí và đức tin.

3. Những trao đổi trong và sau diễn từ

Những trao đổi, tranh luận, hiểu lầm, thắc mắc trong ch. 6 là những kỹ thuật hành văn nhằm chuyển tải đến người đọc hai điều: Thứ nhất là nội dung mạc khải, thứ hai là nguồn gốc của chính Đấng mạc khải. Quả thực, trong diễn từ, Đức Giê-su mạc khải về nguồn gốc và sứ vụ của Người; qua diễn từ, Đức Giê-su được người thuật chuyện trình bày như là Đấng có thẩm quyền mạc khải về ý định của Thiên Chúa. Phân tích bốn cuộc trao đổi và thắc mắc theo thứ tự trong bản văn giúp hiểu ý nghĩa của trình thuật. Trao đổi

thứ nhất với đám đông (6,25-40) về bánh không hư nát; tranh luận thứ hai với những người Do-thái (6,41-51) về nguồn gốc của Đức Giê-su; tranh luận thứ ba (6,52-59) về việc “ăn thịt Đức Giê-su” và trao đổi thứ tư với các môn đệ (6,60-71) về toàn bộ diễn từ.

a. Bánh sự sống (6,25-40)

Trong cuộc đối thoại giữa Đức Giê-su với đám đông (6,25-40), nhân vật “đám đông” thường không hiểu hay hiểu lầm những lời nói và việc làm của Đức Giê-su. Thật vậy sau khi ăn bánh no nê, họ định bắt Đức Giê-su để tôn làm vua. Họ đã không hiểu đúng vai trò của Đức Giê-su, buộc Người phải lánh lên núi một mình (6,15). Thứ đến, đám đông cũng không hiểu ý nghĩa của dấu lạ bánh hoá nhiều. Lời đầu tiên Đức Giê-su nói với đám đông sau khi gặp lại họ: “A-men, a-men, Tôi bảo các ông: Các ông tìm Tôi không phải vì đã thấy những dấu lạ, nhưng vì các ông đã ăn bánh và đã được no nê” (6,26). Như thế đám đông chỉ “thấy phép lạ” chứ không “thấy dấu lạ”, nghĩa là điều mà dấu lạ muốn nhắm tới thì họ không biết. Họ vừa thấy dấu lạ bánh hoá nhiều và được ăn no nê bây giờ lại đòi Đức Giê-su làm dấu lạ: “Vậy chính Ông, Ông làm dấu lạ nào để chúng tôi thấy và chúng tôi tin Ông? (6,30) Họ cũng không biết ai đã ban bánh bởi trời khi nghĩ rằng Mô-sê đã cho họ ăn bánh bởi trời: “Tổ tiên chúng tôi đã ăn man-na trong sa mạc, như có lời chép: ‘Người đã cho họ ăn bánh từ trời’” (6,31). Đức Giê-su cho thấy họ hiểu không đúng khi Người nói: “A-men, a-men, Tôi bảo các

ông: Không phải Mô-sê đã cho các ông bánh từ trời, nhưng chính Cha của Tôi cho các ông bánh từ trời, bánh đích thực” (6,32).⁶³ Thực ra, cũng chẳng lạ khi đám đông không hiểu vì theo mạch văn, chỉ một mình Đức Giê-su mới là Đấng có thẩm quyền mặc khải ý nghĩa của dấu lạ.

Qua những thắc mắc, tranh luận, Đức Giê-su vén mở dần dần về ý nghĩa của bánh sự sống. Bánh sự sống là bánh từ trời xuống, do Thiên Chúa ban và bánh đó chính là Người (6,35). Nhưng phải làm gì để có bánh sự sống này? Trong tranh luận với đám đông (6,25-40), vấn đề chưa phải là “ăn” và “uống” như ở 6,51-56 mà là “đến với” và “tin”, Đức Giê-su nói với họ: “Chính Tôi là bánh sự sống, người đến với Tôi, không hề đói, và người tin vào Tôi, sẽ chẳng khát bao giờ” (6,35). Không bao giờ đói và khát, nghĩa là có sự sống đời đời, điều này được thực hiện cho những ai “đến với” (ἐρχομαι) và “tin” (πιστεύω) vào Đức Giê-su. Người nói tiếp ở c. 40: “Đây là ý muốn của Cha Tôi: Tất cả những

⁶³ Không phải đám đông không biết Thiên Chúa ban man-na cho dân qua lời cầu xin của Mô-sê, nhưng đối với đám đông, Mô-sê là nhân vật quan trọng. Khi Đức Giê-su nói “không phải Mô-sê đã cho các ông bánh bởi trời” (6,32), Người vừa so sánh mình với Mô-sê vừa cho thấy Người lớn hơn cả Mô-sê.

Đám đông nói về “Tổ tiên chúng tôi” (6,31), Đức Giê-su lại nói về “các ông” (6,32). Họ nói về quá khứ, Đức Giê-su nói đến hiện tại.

ai thấy Con và tin vào Người thì có sự sống đời đời, và chính Tôi sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết.” Trong lời này, điều kiện để có sự sống đời đời là “thấy” (θεωρέω) và “tin” (πιστεύω).

Qua đối thoại với đám đông, những mặc khải quan trọng về bánh sự sống đã được bày tỏ. Nhưng không phải hề cứ *thấy* Đức Giê-su là có thể *tin*. Đức Giê-su đã nói với đám đông: “Các ông đã thấy Tôi mà các ông không tin” (6,36). Tại sao họ lại không tin? Chúng ta sẽ thấy lý do qua phân tích về lời xầm xì của những người Do-thái.

b. Xầm xì về nguồn gốc Đức Giê-su (6,41-51)

Trong phần trao đổi với đám đông, Đức Giê-su đã khẳng định hai điều: “Chính Tôi là bánh sự sống” (6,35) và “Tôi từ trời xuống” (6,38), nhưng đến c. 41 mới có thắc mắc xầm xì. Điều lạ là không phải đám đông xầm xì mà là “những người Do-thái”. Người thuật chuyện kể ở 6,41-42: “Những người Do-thái liền xầm xì, vì Người đã nói rằng: ‘Chính Tôi là bánh từ trời xuống.’ Họ nói: ‘Ông ta chẳng phải là Giê-su, con ông Giu-se, mà chúng ta biết cha và mẹ Ông ấy sao? Sao bây giờ Ông ta lại nói: Tôi từ trời xuống?’” Sự xuất hiện nhân vật mới cho phép khởi đầu một tiểu đoạn mới với đề tài mới: *Xầm xì về nguồn gốc của Đức Giê-su*.

Đây là tranh luận liên quan đến niềm tin, như là điều thiết yếu để có sự sống đời đời mà Đức Giê-su nói ở trên (6,35.40). Người ta thường nghĩ đơn giản là

những người Do-thái cứng lòng tin nên mới xì xầm thắc mắc như thế. Họ chống lại Đức Giê-su nên tìm cách dồn Người vào chân tường. Cho dù nhân vật “những người Do-thái” (Ἰουδαῖοι) trong Tin Mừng thứ tư thường xuyên chống đối Đức Giê-su, họ tìm cách bắt và giết Người (5,18), nhưng câu hỏi của họ về nguồn gốc của Đức Giê-su ở 6,41 là chính đáng và quan trọng. Tại sao Đức Giê-su là con ông Giu-se và bà Ma-ri-a mà lại có thể khẳng định hai điều nghịch lý: (1) Người là bánh từ trời xuống, và (2) Người là Đấng từ trời xuống, nghĩa là Người có nguồn gốc từ nơi Thiên Chúa. Có người nghĩ rằng khi đã tin, thì có thể chấp nhận tất cả và tin vào những gì Đức Giê-su nói cách dễ dàng, không có gì phải thắc mắc. Dễ tin hay cả tin như thế có nguy cơ xem nhẹ lý trí, hay nguy hiểm hơn là dùng đức tin để đê bẹp lý trí. Thực ra, câu hỏi của những người Do-thái là câu hỏi thực sự, câu hỏi hóc búa, câu hỏi thần học, là câu hỏi đã và đang là đề tài tranh luận. Câu hỏi này (6,41) có thể phản ánh sự thắc mắc, xì xầm giữa những người Do-thái và cộng đoàn Gio-an vào cuối thế kỷ I. Vấn đề này vẫn được đặt ra cho người đọc qua mọi thời đại. Đây là câu hỏi có khả năng dồn lý trí vào chân tường để từ đó làm nổi bật lên thế nào là tin.

Thắc mắc của những người Do-thái liên quan đến hai vấn đề. Thắc mắc thứ nhất: “Chính Tôi là bánh từ trời xuống” (6,41). Kiểu nói “bánh từ trời xuống” gọi lại man-na trong sa mạc. Nhưng man-na trong quá khứ, cha ông của những người Do-thái đã ăn và đã chết, còn Đức Giê-su là bánh từ trời xuống, ngày hôm

nay, và ai ăn bánh này thì có sự sống đời đời. Tuy nhiên lời Đức Giê-su nói khó hiểu, vì không có sự phân biệt giữa “bánh” và “người ban bánh”. Trước hết Đức Giê-su là Đấng ban bánh sự sống. Người nói với đám đông: “Các ông hãy làm việc đừng vì lương thực hư nát, nhưng vì lương thực thường tồn đưa đến sự sống đời đời mà Con Người sẽ ban cho các ông” (6,27). Đến c. 35 Người lại nói: “Chính Tôi là bánh sự sống.” Một đàng Đức Giê-su là chủ từ của việc ban bánh, đàng khác Người là bánh, nghĩa là không có sự phân biệt giữa “người ban” và “quà tặng”. Sự đồng hoá này gây khó hiểu, nhưng là có chủ ý, vì nó chuẩn bị cho việc nối kết giữa việc “ăn bánh” và “ăn thịt Đức Giê-su” (sẽ phân tích sau).

Như thế chủ đích của Đức Giê-su là từ dấu lạ bánh hoá nhiều, Người chỉ tay về chính Người là bánh sự sống, bánh từ trời xuống. Điều này không hiển nhiên vì giữa việc bánh hoá nhiều và việc Đức Giê-su là bánh có một khoảng cách lớn lao. Từ dấu lạ bánh hoá nhiều đến khẳng định “Chính Tôi là bánh từ trời xuống” là khó thuyết phục về lý trí, vì điều đó không minh nhiên. Vậy mặc khải của Đức Giê-su về bánh sự sống là dựa vào chính uy thế của Người, còn dấu lạ chỉ là gợi ý và là dấu chỉ minh hoạ cho lời Người mặc khải mà thôi.

Vấn đề thứ hai của câu hỏi (6,41) liên quan đến nguồn gốc của Đức Giê-su. Những người Do-thái xâm xì rằng: Đức Giê-su là con ông Giu-se và bà Ma-ri-a, sao Người lại có thể nói: “Tôi từ trời xuống?” (6,42) Vấn

đề không còn là bánh từ trời xuống nữa mà chính Đức Giê-su từ trời xuống và Người đã khẳng định như thế: “Tôi từ trời xuống, không để làm theo ý Tôi, nhưng theo ý Đấng đã sai Tôi” (6,38). Câu hỏi về nguồn gốc của Đức Giê-su cũng là câu hỏi thực sự vì chưa có câu trả lời thoả đáng về mặt lý trí. Dựa vào đâu để biết là Đức Giê-su từ trời xuống? Nếu chỉ dựa vào dấu lạ bánh hoá nhiều và dấu lạ đi trên Biển Hồ thì không đủ vì Mô-sê và các ngôn sứ cũng làm được phép lạ không kém phần hoành tráng như thế. Về lý trí, không có bằng chứng hiển nhiên về việc Đức Giê-su từ trời xuống. Điều hiển nhiên là ông Giu-se và bà Ma-ri-a là cha mẹ của Đức Giê-su. Vì thế không ai trả lời được câu hỏi này, chính Đức Giê-su cũng không trả lời cho những người Do-thái. Đúng hơn Người không làm gì để chúng tỏ cách hiển nhiên là Người từ trời xuống. Vì nếu như việc Đức Giê-su từ trời xuống là minh nhiên, ai cũng phải chấp nhận, thì lúc đó “tin” sẽ không cần thiết nữa, trong khi cốt lõi của diễn từ lại là lời mời gọi “tin”, “tin” như là hành động chứ không phải là khái niệm. 8 lần, ch. 6 nói đến “tin” đều dùng động từ *pisteu,w* (tin).⁶⁴

Trước những thắc mắc của những người Do-thái, giải pháp Đức Giê-su đề nghị là vượt lên trên lý trí nghĩa là “tin”, và hành động “tin” chỉ có thể được thực hiện với hai điều kiện: Thứ nhất là Chúa Cha lôi kéo,

⁶⁴ Xem bảng từ ngữ trong Ga 6 ở trên.

Đức Giê-su nói: “Các ông đừng xâm xì với nhau. Không ai có thể đến với Tôi, nếu Cha là Đấng đã sai Tôi, không lôi kéo người ấy” (6,43-44). Tin trước tiên là một ơn ban của Chúa Cha. Điều kiện thứ hai ở về phía con người, Đức Giê-su nói tiếp: “Mọi người nghe Cha và đón nhận giáo huấn của Người thì đến với Tôi” (6,45). Những ai hội đủ hai điều kiện này thì có thể đón nhận Đức Giê-su như là Đấng từ trời xuống, đây là sự đón nhận trong đức tin chứ không dựa vào lý trí, vì lý trí không thể lý giải và nói kết được nguồn gốc từ trời (thiên tính) và nguồn gốc nhân loại (nhân tính) của Đức Giê-su. Đức tin không gạt bỏ hay xem nhẹ lý trí nhưng cho thấy giới hạn của lý trí. Lòng tin vẫn tôn trọng lý trí, đồng thời lòng tin cho phép đi xa hơn lý trí, vượt lên trên lý trí.

Thắc mắc của những người Do-thái và trả lời của Đức Giê-su là định nghĩa rõ nét về hành động “tin”. Tin Đức Giê-su là con ông Giu-se không phải là đức tin, vì đó là thực tế hiển nhiên. Những người Do-thái không tin vào Đức Giê-su cũng chấp nhận điều đó và còn dựa vào đó để chất vấn Đức Giê-su. Trước sự nghịch lý nêu trên, có người lý luận rằng: Nếu Đức Giê-su là người thật thì Người không thể có nguồn gốc từ Thiên Chúa được. Người chỉ là một vị ngôn sứ lớn, là đấng Mê-si-a, là vĩ nhân, là con Thiên Chúa theo nghĩa rộng.⁶⁵

⁶⁵ Trong Cựu Ước, Thiên Chúa gọi vua trị vì là con. Dân Ít-ra-en cũng được gọi là “con Thiên Chúa hằng sống” (Hs 2,1).

Ngược lại nếu khẳng định Đức Giê-su thực sự từ trời xuống thì Người chỉ đội lốt người phạm mà thôi. Lý trí con người chỉ chấp nhận một trong hai: Hoặc Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, hoặc Người là con ông Giu-se. Cách lý luận này không phù hợp với nội dung đức tin của Giáo hội Công giáo: Đức Giê-su là Chúa thật, và là người thật. Đức Giê-su vừa là Con Thiên Chúa vừa là con ông Giu-se và bà Ma-ri-a.⁶⁶ Tin cả hai điều này là nghịch lý, chỉ có đức tin (do sự lôi kéo của Chúa Cha và sự đáp trả của con người) mới có thể đón nhận nguồn gốc thần linh và nhân loại của Đức Giê-su. Trong phần tiếp của diễn từ, sự nghịch lý lên tới đỉnh điểm trong kiểu nói “ăn thịt và uống máu” (6,52-59).

c. Tranh luận về ăn thịt, uống máu (6,52-59)

Về hình thức, kiểu nói “ăn thịt”, “uống máu” dễ gây ngộ nhận và hiểu lầm. Thực tế nhiều môn đệ đã hiểu không đúng và cho là chương tai không thể chấp nhận (6,60) và họ quyết định bỏ Đức Giê-su, không theo Người nữa (6,66). Cũng không nên vội vàng áp dụng công thức “ăn thịt và uống máu” vào Thánh thể. Vì khi lập bí tích Thánh thể Đức Giê-su cầm lấy bánh và nói: “Đây là mình Thầy” và cầm chén rượu và nói: “Đây là máu Thầy”. Như thế “ăn bánh này” và “uống rượu này” là dấu chỉ về mình và máu Đức Ki-tô qua sự chết của

⁶⁶ Hai điều này không cùng một bình diện: Đức Giê-su là con ông Giu-se thuộc bình diện lịch sử, Đức Giê-su là Con Thiên Chúa thuộc bình diện đức tin.

Người. Nói như thế không chối tai bằng nói: “Ai ăn thịt Tôi và uống máu Tôi, thì có sự sống đời đời” (6,54), kiểu nói này muốn nói điều gì?

Từ đầu diễn từ (6,25) đến c. 50, Đức Giê-su chưa nói đến “ăn bánh” hay “ăn thịt và uống máu” mà chỉ nói về đề tài “bánh từ trời xuống” và “tin” (cf. 6,35.40). Đến 6,47, điều nhấn mạnh vẫn là “tin”: “Ai tin thì có sự sống đời đời” (6,47). Chỉ từ 6,51 Đức Giê-su mới nói đến “ăn bánh” chính là thịt của Người: “Tôi là bánh sự sống, bánh từ trời xuống. Nếu ai ăn bánh này sẽ sống muôn đời. Và bánh Tôi sẽ ban tặng là thịt Tôi, vì sự sống của thế gian” (6,51). Trước tiên, Đức Giê-su đồng hoá Người với bánh: “Chính Tôi là bánh sự sống” (6,48) sau đó Người đồng hoá “bánh” với “thịt của Người”: “Và bánh Tôi sẽ ban tặng là thịt Tôi” (6,51). Kiểu nói này gần với công thức Thánh thể: “Anh em hãy cầm lấy mà ăn này là mình Thầy bị trao nộp vì anh em.” Như thế khi nói “bánh Tôi sẽ ban tặng là thịt Tôi”, Đức Giê-su ám chỉ đến sự chết của Người. Động từ “ban tặng” (δίδωμι)⁶⁷ ở thì tương lai: “sẽ ban tặng” (6,51) muốn nói: Khi chết trên thập giá Đức Giê-su sẽ ban tặng chính Người. Nhưng tại sao lại phải chết để ban sự sống? Nghịch lý và sự điên rồ của thập giá được diễn tả qua ý tưởng “ăn thịt Đức Giê-su”. Ăn bánh từ trời là Đức Giê-su thì khỏi phải chết. Nhưng để bánh trở thành của ăn

⁶⁷ 11 lần động từ δίδωμι (cho, ban) xuất hiện trong ch. 6, cf. bảng từ ngữ ở trên.

thì Đức Giê-su lại phải chết. Trong đoạn văn 6,51-57, Đức Giê-su nói về cái chết của Người như là nguồn sự sống cho thế gian qua cặp từ “thịt và máu”.

Ở 6,51 Đức Giê-su chỉ nói đến “thịt” mà chưa dùng cặp từ “thịt và máu” như ở 6,53-56. Thắc mắc của những người Do-thái ở c. 52 cũng chỉ nói về “thịt” mà thôi, họ nói: “Làm sao Ông này có thể cho chúng ta ăn thịt Ông ta được?” (6,52) Như thế từ “thịt” đã ám chỉ toàn diện con người Đức Giê-su, nghĩa là tương đương với kiểu nói “thịt và máu”. Chính Đức Giê-su dùng cặp từ “thịt và máu” ở 6,53-56 để làm nổi bật lên sự nghịch lý của thập giá. Trong bốn câu (6,53-56) xuất hiện bốn lần cụm từ “ăn thịt và uống máu”, và được trình bày dưới hình thức phủ định (6,53) đến khẳng định (6,54) để đi đến kết luận: “thịt và máu” của Người là của ăn đích thực (6,55) và ai ăn thì ở lại trong Người (6,56), nghĩa là hiệp thông với Người.

Đức Giê-su không giải thích thắc mắc của những người Do-thái, nhưng lại nhấn mạnh thêm khẳng định của Người qua kiểu nói long trọng: “Amen, amen, Tôi bảo các ông:...”, và thay vì nói “ăn thịt” Đức Giê-su lại thêm từ “uống máu” (6,53). Về mặt lý trí, kiểu nói “ăn thịt và uống máu” (6,53-56) rất khó nghe và chướng tai, nhưng đó lại là đỉnh cao của toàn bộ mạc khải trong ch. 6. Sau khi mạc khải về bánh sự sống, Đức Giê-su nói đến cách thức ban bánh đó bằng kiểu nói “ăn thịt và uống máu”, nghĩa là bánh sự sống được ban nhờ sự chết của Người. Như thế “ăn thịt và uống máu”

là hiệp thông vào cái chết của Đức Giê-su, là “ở lại trong Người” (6,56) và hiệu quả của sự hiệp thông đó là “có sự sống đời đời” (6,54).

Sự song song giữa hai câu 6,40 và 6,54 cũng đáng được chú ý. Ở c. 40 Đức Giê-su nói: “Thật vậy, đây là ý muốn của Cha Tôi: Tất cả những ai thấy Con và tin vào Người thì có sự sống đời đời, và chính Tôi sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết” (6,40), ở 6,54 Đức Giê-su khẳng định: “Ai ăn thịt Tôi và uống máu Tôi, thì có sự sống đời đời, và Tôi sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết” (6,54).⁶⁸ Cả hai việc “thấy”-“tin” (6,40) và “ăn thịt”-“uống máu” (6,54) cùng đem lại hiệu quả là “có sự sống đời đời”, và “sẽ được sống lại vào ngày sau hết” (6,40.54). Như thế, “ăn thịt và uống máu” làm rõ thế nào là “thấy” và “tin”. Như đã trình bày ở trên, “thấy” và “tin” vào Đức Giê-su là tin rằng Đức Giê-su là Đấng từ trời xuống, là Đấng ban bánh sự sống và chính Người là bánh sự sống.

Còn kiểu nói “ăn thịt và uống máu” diễn tả một khía cạnh khác của đức tin. Đó là tin rằng Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, đến từ trời và chết trên thập giá và qua cái chết đó, Người ban bánh sự sống cho thế gian.

⁶⁸ Không phải là có hai điều kiện để có sự sống đời đời mà là chỉ một điều kiện: “tin vào Đức Giê-su” và niềm tin đó gồm hai khía cạnh không thể tách rời nhau: Tin Đức Giê-su là Con Thiên Chúa và Người đã chết để đem lại sự sống cho những ai hiệp thông với Người.

Sự chết của Đức Giê-su trở thành sự sống cho người tin. Sự đối lập giữa *sự chết của Đấng từ trời xuống* và *sự sống của người tin* đẩy nghịch lý lên đỉnh điểm, lý trí bị dồn vào ngõ cụt. Con ông Giu-se là Đấng từ trời xuống là không thể chấp nhận về lý trí. Con Thiên Chúa mà lại chết trên thập giá quả là điên rồ. Từ chỗ nhận ra được giới hạn của lý trí, diễn từ về bánh trình bày nội dung đức tin. Phần đầu diễn từ trình bày niềm tin vào nguồn gốc (thiên tính và nhân tính) của Đức Giê-su, phần sau diễn từ trình bày niềm tin vào ơn cứu độ qua sự hiệp thông vào sự chết của Đức Giê-su. Tin như thế đòi hỏi vượt lên trên lý trí.

Cho dù cụm từ “thịt và máu” ám chỉ đến cái chết của Đức Giê-su, kiểu nói “ăn thịt và uống máu” vẫn thực sự chướng tai, nhất là khi Đức Giê-su nói: “Ăn thịt Tôi và uống máu Tôi”, cần đặt lời này trong bối cảnh đoạn văn để hiểu. Trước khi nói “ăn thịt Tôi và uống máu Tôi” (6,54) Đức Giê-su đã dùng kiểu nói: “ăn thịt và uống máu Con Người” (6,53). Trong Tin Mừng thứ tư, danh xưng “Con Người” (υἱὸς τοῦ ἀνθρώπου) là một tước hiệu diễn tả tư cách Con Thiên Chúa của Đức Giê-su, đồng thời hướng đến cuộc Thương khó trong thân phận làm người phạm.⁶⁹ Khi Đức Giê-su nói “ăn

⁶⁹ Đức Giê-su nói: “Nhu Mô-sê đã giương cao con rắn trong sa mạc, Con Người cũng phải được giương cao như vậy, để mọi kẻ tin thì có sự sống đời đời trong Người” (3,14-15). Cuối sứ vụ công khai Đức Giê-su nói: “Giờ đã đến để Con Người được tôn vinh” (12,23).

thịt và uống máu Con Người” (6,53) trước rồi mới nói “ăn thịt Tôi và uống máu Tôi” (6,54) là Người nói với tư cách là Đấng từ trời xuống. Nên không thể hiểu là “ăn thịt và uống máu người phàm” hay “ăn thịt người”.

Lời Đức Giê-su: “Ăn thịt và uống máu Tôi” được hiểu là ăn Bánh sự sống qua sự hiệp thông với sự chết của Đấng từ trời xuống. “Ăn thịt và uống máu” như thế là đón nhận, hiệp thông, là sống với và sống nhờ Đức Giê-su. Sự hiệp thông sâu xa này được Đức Giê-su diễn tả qua cách nói: “Ở lại trong”, Người nói: “Ai ăn thịt Tôi và uống máu Tôi, thì ở lại trong Tôi (ἐν ἐμοὶ μένει), và Tôi ở trong người ấy (καὶ γὼ ἐν αὐτῷ)” (6,56). Trong Tin Mừng thứ tư, “ở lại trong” hay “ở trong” là lối diễn tả tương quan mật thiết và sâu xa giữa Đức Giê-su và Chúa Cha. Nhiều lần Đức Giê-su khẳng định: Người ở trong Cha và Cha ở trong Người (10,38; 14,10-11; 17,21.23). Sự ở lại của Đức Giê-su trong các môn đệ cũng được diễn tả bằng kiểu nói này, Người nói với các môn đệ: “Trong ngày đó, anh em sẽ biết rằng: Thầy ở trong Cha của Thầy, anh em trong Thầy và Thầy trong anh em” (14,20). Như thế, “ở lại trong Đức Giê-su” và “Đức Giê-su ở lại trong mình” diễn tả qua kiểu nói “ăn thịt và uống máu” (6,56) là tham dự vào tương quan và hiệp thông mật thiết với Đức Giê-su, qua đó người tin sống sự sống của Thiên Chúa.

Những phân tích trên cho thấy khó khăn lớn nhất trong mặc khải của Đức Giê-su là “tin”, phản ứng của nhiều môn đệ sau diễn từ cho thấy điều đó.

d. “Hậu quả”, “kết quả” sau diễn từ (6,60-71)

“Hậu quả” sau diễn từ là nhiều môn đệ bỏ đi, không còn là môn đệ Đức Giê-su nữa (6,66), nhưng mặc khải của Đức Giê-su cũng đem lại “kết quả”, đó là lời tuyên xưng lòng tin của Phê-rô, đại diện Nhóm Mười Hai (6,68-69).

Sau khi nghe diễn từ về bánh sự sống (6,25-59), nhiều môn đệ đã thốt lên: “Lời này chướng tai quá! Ai có thể nghe nổi?” (6,60) Bối cảnh Tin Mừng thứ tư cho phép hiểu lời này không chỉ liên quan đến các môn đệ thời Đức Giê-su mà còn liên quan đến cộng đoàn Gio-an vào cuối thế kỷ I, có thể trong cộng đoàn đã có những môn đệ không chấp nhận những mặc khải mà người thuật chuyện đã trình bày.

Lời phản đối này (6,60) cũng không xa lạ với thái độ duy lý của con người ngày nay. Người đọc cũng phải đối diện với sự giới hạn của lý trí và đòi hỏi của đức tin. Trước sự nghịch lý, người đọc cũng chỉ có hai lựa chọn: Ở lại với Đức Giê-su (tin) hay bỏ đi (không tin). Những phân tích trên giúp hiểu tại sao nhiều môn đệ không theo Đức Giê-su nữa. Không phải chỉ một vài mà là “nhiều” (πολύς) môn đệ xăm xì và bỏ đi (6,66).

Như vậy mặc khải của Đức Giê-su đã tạo ra khủng hoảng lớn trong nhóm môn đệ. Sự khủng hoảng trước mặc khải của Đức Giê-su có thể hiểu theo nghĩa rộng: Khủng hoảng của các môn đệ thời Đức Giê-su, khủng hoảng của các môn đệ trong cộng đoàn Gio-an cuối thế kỷ I và khủng hoảng của người đọc qua mọi thời đại.

Theo mạch văn, các môn đệ đã hiện diện với Đức Giê-su ngay từ đầu ch. 6. Các ông đã chứng kiến dấu lạ bánh hoá nhiều và thấy Đức Giê-su biểu lộ quyền năng khi Người đi trên Biển Hồ đến với họ. Trong trình thuật, các môn đệ đã nghe những đối đáp, thắc mắc và trả lời của Đức Giê-su trong suốt diễn từ. Như thế lời nhận xét: “Lời này chương tai quá! Ai có thể nghe nổi?” (6,60) là phản ứng liên quan đến toàn bộ diễn từ (6,25-59) chứ không phải chỉ liên quan đến chuyện “ăn thịt và uống máu” mà thôi.

Có thể kể đến hai điều chương tai chính. Chương tai thứ nhất liên quan đến nguồn gốc của Đức Giê-su: Một đảng Người là con ông Giu-se, đảng khác Người là Đấng từ trời xuống. Điều kiện để có sự sống đời đời là “đến với” và “tin” vào Đức Giê-su là Đấng đến từ trời (thiên tính) và là con ông Giu-se (nhân tính). Chương tai thứ hai liên quan đến sứ vụ của Đức Giê-su. Nếu Người là Đấng từ trời xuống thì làm sao Người có thể chết được? Làm sao có thể ban sự sống bằng sự chết? Hai điều chương tai này lý trí không thể chấp nhận, chỉ bằng con đường vượt lên trên lý trí và “tin” mới có thể đón nhận mặc khải của Đức Giê-su.

Kết quả của diễn từ được thể hiện qua lời tuyên xưng lòng tin của Phê-rô, đại diện Nhóm Mười Hai. Sau khi nhiều môn đệ bỏ đi, Đức Giê-su nói với Nhóm Mười Hai: “Phần anh em, anh em không muốn bỏ đi sao?” (6,67) Si-môn Phê-rô trả lời: “Thưa Thầy, chúng con sẽ bỏ đi với ai? Thầy có những lời đem lại sự sống

đòi đòi. Phần chúng con, chúng con đã tin và đã nhận biết rằng: Chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa” (6,68-69). Lời tuyên xưng này bày tỏ lòng tin đích thực. Đứng trước sự xâm xì, thắc mắc, bên trong (giữa các môn đệ) và bên ngoài (đám đông, những người Do-thái), đứng trước sự bỏ đi của nhiều môn đệ, Phê-rô, đại diện Nhóm Mười Hai, tuyên xưng lòng tin tuyệt đối vào Đức Giê-su, lòng tin vượt trên mọi nghịch lý.

Không phải Nhóm Mười Hai không thấy chương tai và khó hiểu về mặt lý trí. Hiện diện với Đức Giê-su, Nhóm Mười Hai cũng cảm nhận như đám đông, cũng thắc mắc như những người Do-thái và cũng thấy chương tai như các môn đệ đã bỏ đi, nhưng họ hiểu ra rằng: Để tin cần vượt lên trên lý trí. Tin là đón nhận ơn ban của Chúa Cha, là đặt cuộc đời mình vào một ai đó. Tin đòi hỏi vượt qua những bằng chứng hiển nhiên để chỉ dựa vào uy thế của chính người đang nói. Vậy tin gồm hai khía cạnh: Tin vào ai và tin điều gì. Nội dung lời tuyên xưng lòng tin của Phê-rô gồm hai yếu tố. Thứ nhất là tin vào lời Đức Giê-su: “Thầy có những lời đem lại sự sống đời đời” (6,68b). Thứ hai là tin vào chính Người: “Chúng con đã tin và đã nhận biết rằng: Chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa” (6,69). Hai điều này không thể tách rời nhau và là nội dung đức tin của Nhóm Mười Hai, của cộng đoàn Gio-an và của Hội Thánh qua mọi thời đại.

Qua sự tương phản giữa quyết định chỉ dựa vào lý trí (bỏ Đức Giê-su) và quyết định với lòng tin (ở lại và

đón nhận giáo huấn của Đức Giê-su), người thuật chuyện mời gọi người đọc vượt qua nghịch lý để đạt đến lòng tin và tuyên xưng như Phê-rô. Nội dung trình thuật cho người đọc thấy rằng: Dù về mặt lý trí là không thể chấp nhận, thì vẫn có thể đón nhận trên bình diện đức tin, nhờ sự lôi kéo của Chúa Cha (6,44) và sự đáp trả của con người (6,45).

4. Tư cách mặc khải của Đức Giê-su

Qua cách hành văn của người thuật chuyện, người đọc có thể nhận ra sự độc đáo của bản văn về tư cách mặc khải của Đức Giê-su. Người là nhân vật chính của câu chuyện, Người luôn luôn chủ động, đi bước trước trong hành động và trong đối thoại với các nhóm thánh giả khác nhau.

Dấu lạ bánh hoá nhiều trong Tin Mừng thứ tư có nhiều điểm khác biệt có ý nghĩa khi so sánh với phép lạ bánh hoá nhiều trong Tin Mừng Mát-thêu. Trong Mt 14,15, các môn đệ đề nghị Đức Giê-su giải tán dân để họ tìm thức ăn: “Chiều đến, các môn đệ lại gần thưa với Người: ‘Nơi đây hoang vắng, và đã muộn rồi, vậy xin Thầy cho dân chúng về, để họ vào các làng mạc mua lấy thức ăn’” (Mt 14,15). Còn trong Tin Mừng thứ tư, chính Đức Giê-su đề nghị cho đám đông ăn chứ không phải các môn đệ: “Đức Giê-su ngược mắt lên và thấy nhiều đám đông đến với mình. Người nói với Phi-líp-phê: ‘Ta mua đâu ra bánh cho họ ăn?’ Người nói thế là để thử ông ấy, vì Người đã biết Người sắp làm gì” (Ga 6,5-6). Trong Mt 14,19, các môn đệ phân phát

bánh cho dân chúng: “Đức Giê-su cầm lấy năm cái bánh và hai con cá, ngược mắt lên trời, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra, trao cho môn đệ. Và môn đệ trao cho dân chúng” (Mt 14,19). Còn trong Tin Mừng thứ tư, chính Đức Giê-su trao bánh cho đám đông: “Đức Giê-su cầm lấy bánh, tạ ơn, trao cho những người ngồi đó. Cá, Người cũng làm như thế, ai muốn bao nhiêu tùy ý” (Ga 6,11). Việc Đức Giê-su chủ động tìm cách cho đám đông ăn và chính Người phân phát bánh và cá cho đám đông là có chủ ý, bởi vì chính Người là bánh từ trời xuống, và Người sẽ trao ban chính mình Người trên thập giá để trở thành của ăn đem lại sự sống cho thế gian, vì Người đã nói: “Tôi là bánh sự sống, bánh từ trời xuống. Nếu ai ăn bánh này sẽ sống muôn đời. Và bánh Tôi sẽ ban tặng là thịt Tôi, vì sự sống của thế gian” (Ga 6,51).

Trong diễn từ, Đức Giê-su luôn là người đi bước trước. Người chất vấn đám đông ngay khi mới gặp lại họ ngày hôm sau: “A-men, a-men, Tôi bảo các ông: Các ông tìm Tôi không phải vì đã thấy những dấu lạ, nhưng vì các ông đã ăn bánh và đã được no nê” (6,27). Khi những người Do-thái xầm xì về nguồn gốc từ trời của Đức Giê-su, Người trả lời: “Các ông đừng xầm xì với nhau. Không ai có thể đến với Tôi, nếu Cha là Đấng đã sai Tôi, không lôi kéo người ấy” (6,43-44). Khi họ thắc mắc về “ăn thịt”: “Làm sao Ông này có thể cho chúng ta ăn thịt Ông ta được?” (6,52) Đức Giê-su lại nhấn mạnh hơn điều chúng ta tai đó khi Người nói đến “ăn thịt và uống máu” (6,53-56).

Đức Giê-su biết trước nhiều môn đệ sẽ bỏ Người, người thuật chuyện kể: “Ngay từ đầu, Đức Giê-su đã biết ai là những người không tin và ai là kẻ sẽ nộp Người” (6,64). Khi nhiều môn đệ bỏ đi, Người không năn nỉ Nhóm Mười Hai ở lại mà lại hỏi: “Phần anh em, anh em không muốn bỏ đi sao?” (6,67) Sau lời tuyên xưng đức tin của Phê-rô, Đức Giê-su không khen mà lại báo trước một người trong Nhóm Mười Hai sẽ nộp Người: “Chẳng phải Thầy đã chọn anh em là Nhóm Mười Hai sao? Thế mà một người trong anh em là quỷ” (6,70). Không phải tình cờ mà Đức Giê-su báo trước Giu-đa sẽ nộp người ở cuối ch. 6 (6,70-71), bởi vì bánh sự sống sẽ được ban cho thế gian qua chính cái chết của Người, việc nộp Thầy của Giu-đa là khởi đầu của biến cố giờ của Đức Giê-su (13,1-32). Báo trước Giu-đa sẽ nộp Thầy cũng là báo trước cái chết của Thầy.

Trong diễn từ bánh sự sống Đức Giê-su mặc khải ý nghĩa của sự sống (cho người tin) trong sự chết (của Đức Giê-su). Cách Đức Giê-su đối đáp, trả lời, giải thích, chúng tỏ Người là Đấng có uy quyền và Người biết mọi sự. Đó là những dấu chỉ cho thấy Người đến từ Thiên Chúa và Người là Con Thiên Chúa. Những thắc mắc, xầm vì là dịp để Đức Giê-su mặc khải về ý định của Thiên Chúa, về nguồn gốc và về sứ vụ của Người.

Đức Giê-su không thất vọng trước sự không tin hay cứng tin của con người. Người biết trước những điều đó và qua những tranh luận và ngay cả việc nhiều môn đệ rút lui, Đức Giê-su tôn trọng sự tự do lựa chọn của con

người. Sứ vụ của Đức Giê-su là dạy dỗ và mời gọi tất cả mọi người, kể cả những người chống đối, đón nhận sự sống đời đời mà Thiên Chúa ban tặng cho con người vì yêu thương. Người mặc khải chân lý và chỉ ra cho con người biết thế nào là tin và tin điều gì. Người không ép buộc, không cưỡng bức, không dùng áp lực, vì lòng tin đích thực là tin với sự dẫn thân hoàn toàn tự do.

Thấy rõ giới hạn của lý trí, Đức Giê-su không trả lời trực tiếp thắc mắc của những người Do-thái, Người chỉ cho biết làm sao để tin và tin thì được điều gì. Những thắc mắc trong ch. 6 vẫn mang tính thời sự và không ai có thể trả lời được những câu hỏi đó một cách thoả đáng về mặt lý trí. Những câu hỏi trên dồn lý trí của người đọc vào chân tường, nhưng những nghịch lý đó lại mở ra một cơ hội để “tin”. Những thắc mắc trong diễn từ cũng là những câu hỏi dành cho người đọc qua mọi thời đại. Khi lý trí phải đối đầu với sự nghịch lý và điên rồ, khi lý trí không thể chấp nhận được thì hành động “tin” làm lộ tỏ điều mới mẻ mà lý trí không dám nghĩ tới. Đó là sự sống mới, sự sống đời đời dành cho người tin. “Tin” như thế cho phép đi xa hơn, vượt qua, vượt lên trên lý trí.

5. Kết luận

Dấu lạ bánh hoá nhiều và dấu lạ Đức Giê-su đi trên Biển Hồ chuẩn bị cho diễn từ về bánh. Bánh hư nát chỉ về bánh không hư nát mà Đức Giê-su sẽ ban. Sau đó Đức Giê-su đồng hoá với bánh từ trời xuống rồi khẳng định chính Người từ trời xuống. Đức Giê-su dùng

kiểu nói “ăn thịt và uống máu” để nói về cách thức ban bánh sự sống. Sự sống đời đời nảy sinh từ sự chết của Đức Giê-su. Nghịch lý đạt tới đỉnh điểm khi Đấng ban sự sống lại phải chết trên thập giá. Nhưng bất cứ ai tin và hiệp thông với Người, là Đấng từ trời đến và là Đấng chết trên thập giá, thì có sự sống đời đời.

Những gợi ý về Thánh thể trong Ga 6 qua chủ đề “bánh sự sống”, qua từ ngữ “tạ ơn”, “ăn thịt và uống máu”, cho thấy Thánh thể là cốt lõi của niềm tin. Thánh thể là mầu nhiệm lớn lao, vượt khỏi tầm nắm bắt của lý trí. Khi nói về Thánh thể quá dễ dàng, như thể là chuyện hoàn toàn dễ hiểu, chẳng khó khăn gì về mặt lý trí, là có nguy cơ xem nhẹ lý trí và có thể làm cho người nghe hôm nay không vượt qua được sự chướng tai, nghịch lý của mầu nhiệm Thánh thể và sự điên rồ của thập giá. Lý trí của con người cần được tôn trọng trong hành trình tìm kiếm đức tin. Vì thế trong diễn từ, Đức Giê-su giảng dạy, tranh luận, trao đổi và trả lời những thắc mắc. Lòng tin không xem nhẹ hay loại trừ lý trí, nhưng vượt trên giới hạn của lý trí.

Phân phân tích trên đây mới chỉ là trình bày sơ lược về vai trò và vị trí của Thánh thể trong tương quan với lý trí và đức tin. Thiết nghĩ mặc khải của Đức Giê-su trong ch. 6 vẫn còn là thắc mắc, tranh luận và có vấp phạm cho con người qua mọi thời đại. Diễn từ về bánh sự sống trong ch. 6 giúp người đọc phân biệt đâu là giới hạn của lý trí, đâu là cốt lõi của niềm tin, từ đó biết tôn trọng và vượt trên lý trí để tin.